

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2018/DS-ST
Ngày.16-7-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Từ Ngọc Viễn

2/ Bà Nguyễn Thị Hôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều- Thư ký tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Phi Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *Hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Ngọc S**, sinh năm 1966

Địa chỉ: số 525 ấp L, xã B, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đoàn Thanh T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp P, xã C, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt bà S, vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S trình bày: do chỗ quen biết nên bà có cho ông Nguyễn Văn T mượn nhiều lần tiền cụ thể:

Lần 1 ngày 13/10/2014 âm lịch bà cho ông T mượn số tiền 2.000.000 đồng, khi mượn ông T có làm biên nhận nợ do ông T viết và ký tên, ông T hẹn một tháng trả nhưng không thực hiện.

Lần 2 ngày 24/7/2015 mượn 6.500.000 đồng, khi mượn ông T có làm biên nhận nợ do ông T viết và ký tên, ông T hẹn một tháng trả nhưng không thực hiện.

Lần 3 ngày 11/5/2017 mượn 100.000.000 đồng, khi mượn ông T có làm biên nhận nợ do ông T viết và ký tên, ông T hẹn để lãnh tiền bảo hiểm và bán gà trả nhưng không trả, sau đó thỏa thuận là hàng tháng ông T trả 5.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 5/2017, nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Tổng cộng ông T thiếu bà là 108.500.000 đồng, nay bà yêu cầu ông T trả lại cho bà số tiền 108.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/6/2018 bà S có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể bà rút lại không yêu cầu trả số tiền mượn lần 1 và lần hai tổng cộng là 8.500.000 đồng, chỉ yêu cầu ông T trả lại số tiền mượn lần 3 là 100.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 01/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: ông T thừa nhận mình có mượn tiền của bà S nhưng không đúng như bà S trình bày. Ngày 13/7/2016 ông có mượn của bà S số tiền 15.000.000 đồng, ông có ký tên biên nhận nợ cho bà S, sau đó một tuần ông mượn tiếp số tiền 6.000.000 đồng, khi mượn ông có ký tên biên nhận do bà S viết biên nhận, hai tuần sau khi ông cất nhà gần xong, ông có mượn tiếp số tiền 10.000.000 đồng, khi mượn ông có ký biên nhận do bà S viết. Tổng cộng số tiền ông thiếu bà S là 31.000.000 đồng, nhưng sau đó khoảng một tháng bà S kêu xuống nhà nói là ông thiếu tổng cộng vốn và lãi là 39.000.000 đồng, ông có trả bằng cách trừ dần và số tiền hụi 20.000.000 đồng ông hốt của bà S trừ qua, nên nay ông còn nợ lại là 19.000.000 đồng, chưa kịp trả thì bà S kêu giang hồ đi kiểm ông để đòi, sau đó bà S nói ông thiếu bà S tổng cộng là 100.000.000 đồng và yêu cầu trả 100.000.000 đồng. Nay theo yêu cầu của bà S yêu cầu ông trả 108.500.000 đồng ông không đồng ý, ông còn nợ lại 19.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả lại 19.000.000 đồng. hai biên nhận nợ số tiền 2.000.000 đồng và 6.500.000 đồng ông không biết và không có ký tên, còn biên nhận nợ 100.000.000 đồng ông có ký tên còn chữ viết không phải của ông, nhưng ông không có thiếu số tiền 100.000.000 đồng là do bà S mượn giang hồ ép ông ký chứ ông không có nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc S căn cứ vào các biên nhận ngày 24/7/2015, 13/10/2014 âm lịch, 11/5/2017 để khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền 108.500.000 đồng, ông T cho rằng ông vay của bà S chỉ có 31.000.000 đồng vốn, bà S tính lãi lên 39.000.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bà S chỉ yêu cầu ông T trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà S và không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nội dung: căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 11/5/2017 thể hiện ông Nguyễn Văn T có mượn của bà Phạm Thị Ngọc S số tiền 100.000.000 đồng, ông T thừa nhận biên nhận trên là do ông ký tên, nhưng chữ viết không phải là của ông. Tuy nhiên ông T cho rằng ông ký tên nhưng ông không có vay số tiền 100.000.000 đồng, việc ông ký tên là do bà S kêu giang hồ bắt ông ký, thực tế số tiền ông thiếu bà S là 31.000.000 đồng, nhưng sao đó khoảng một tháng bà S kêu xuống nhà nói là ông thiếu tổng cộng vốn và lãi là 39.000.000 đồng, ông có trả bằng cách trừ dần và số tiền hụi 20.000.000 đồng ông hốt của bà S trừ qua, nên nay ông còn nợ lại là 19.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 345/GĐ-PC54 ngày 02/4/2018 của Công an tỉnh Tiền Giang là chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 11/5/2017 so với các mẫu chữ viết của ông Nguyễn Văn T tại các tài liệu bản tự khai, biên bản hòa giải của ông T làm tại Tòa án là do cùng một người viết ra. Theo kết luận giám định đã xác định chữ viết là của ông T và ông T cũng thừa nhận chữ ký là của mình, việc ông cho rằng ông ký tên vào biên nhận là do mình bị ép buộc, bà S không thừa nhận, ông T cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện là mình bị ép buộc để viết và ký biên nhận nợ. Ông T không có mượn số tiền 100.000.000 đồng, thì không có lý do gì ông T lại viết và ký tên vào biên nhận nợ bà S số tiền 100.000.000 đồng, ông T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, do đó ông T phải chịu trách nhiệm với việc ký tên và viết biên nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng của bà S. Bà S khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 100.000 đồng, ông T không có chứng cứ nào để chứng minh là mình đã trả cho bà S rồi số tiền 100.000.000 đồng tại biên nhận nợ ngày 11/5/2017 do ông Viết và ký tên. Việc ông T chỉ thừa nhận hiện nay mình chỉ còn nợ bà S số tiền 19.000.000 đồng, không được bà S thừa nhận và ông không có chứng cứ nào để chứng minh là ông chỉ nợ bà S số tiền 19.000.000 đồng, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hợp đồng vay tài sản là tiền giữa bà S và ông T là hợp đồng vay có kỳ hạn, ông T hẹn mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản trả đủ tiền khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự. Bà S khởi kiện yêu cầu ông T trả lại số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà S yêu cầu trả một lần hết số tiền 100.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, do ông T không đến dự phiên tòa nên hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả và thời gian trả. Do đó về phương thức trả, thời gian trả là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

Chi phí tố tụng trong vụ án trên là chi phí giám định chữ ký và chữ viết 2.000.000 đồng, chi phí trên bà S đã tạm đóng theo quy định tại Điều 160 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kết quả giám định xác định chữ viết tại biên nhận ngày 11/5/2017 là của ông T nên ông T phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự, số tiền trên bà S đã đóng nên ông T phải hoàn lại bà S số tiền 2.000.000 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm hai bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu tranh luận và đề nghị: tại kết luận giám định của Công an tỉnh Tiền Giang đã kết luận chữ viết tại biên nhận ngày 11/5/2017 là của ông T và ông T cũng thừa nhận chữ ký là của ông, như vậy có đầy đủ căn cứ kết luận biên nhận nợ 100.000.000 đồng là của ông T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của bà S buộc ông T trả lại cho bà S số tiền 100.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu và đề nghị: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung: dựa trên việc đối chiếu, so sánh chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Văn T tại các bản tự khai trong hồ sơ vụ án với chữ viết trong biên nhận nợ, tại kết luận giám định số 345/GĐ-PC54 ngày 02/4/2018 của Công an tỉnh Tiền Giang là chữ viết trong các chứng cứ trên là do cùng một người viết ra, tuy chưa đủ cơ sở xác nhận các chữ ký đưa ra giám định cùng một người ký tên hay không, nhưng nhận thấy chỉ riêng phần chữ viết đã đủ chứng minh ông T chính là người viết các biên nhận nêu trên để vay tiền bà S. Do đó, việc bà S yêu cầu ông T trả số tiền 100.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. kết luận giám định đã chứng minh yêu cầu của bà S là có căn cứ, nên theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự ông T phải chịu chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 160, 161, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc S.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà Phạm Thị Ngọc S số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà Phạm Thị Ngọc S số tiền 2.000.000 đồng chi phí giám định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Phạm Thị Ngọc S số tiền 1.356.250 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0011515 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Bà S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền